

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2020/DS-ST
Ngày 26 - 8 - 2020
(*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Xuân Đàm;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Cườm và ông Hồ Văn Nhân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST-DS ngày 16/01/2020, về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX-ST giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam; Địa chỉ: Số 02 đường Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Võ Trường Huy – chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh NHNo&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ: 76 Lý Thánh Tông, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; Giấy ủy quyền số 05/09NHNoPL/UQ ngày 05 tháng 9 năm 2019, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987, mặt;

- *Người đại diện theo ủy quyền (chưa có quyền định đoạt) của bị đơn:* Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1982; Địa chỉ: Công trình Thanh Danh Ngọc Thiện, số 14,16,18 và 20 đường Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, thành Phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1971 và vợ là bà Nguyễn Thị Huế, sinh năm 1975; Cùng địa chỉ: Số 156 đường Bùi Thị Xuân, phường Phường Đúc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế,

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Luật sư Lê Bá Nhật Bình của Văn phòng Luật sư Lê Bá Khánh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

Theo người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Hữu T kinh doanh nhà rường, có nhu cầu về vốn lớn nên đã ký kết với NHNo & PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Phú Lộc 04 hợp đồng tín dụng để vay tiền mặt. Việc ông Trọng vay tiền được vợ chồng ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị H bảo đảm bằng 02 hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và 02 phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể là:

- Hợp đồng tín dụng thứ nhất ngày 18/12/2012, số tiền vay 1.400.000.000.đ đã giải ngân cùng ngày; Thời hạn trả: 17/12/2013; Lãi suất 1,083% một tháng; Lãi quá hạn: 1,625% một tháng.

Việc trả tiền gốc, lãi và mọi chi phí phát sinh của hợp đồng tín dụng ngày 18/12/2012 được vợ chồng ông T bà H bảo đảm tối đa bằng trị giá quyền sử dụng đất của thửa đất số 150-1, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: Thôn Cư Chánh, xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy, tỉnh TT Huế; Diện tích 646m² theo hợp đồng thế chấp tài sản số 017/12/2012/HĐTC ngày 17/12/2012 (hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký hợp pháp).

- Hợp đồng tín dụng thứ hai ngày 21/12/2012, số tiền vay 3.000.000.000.đ, thời hạn trả: ngày 20/12/2013; lãi trong hạn 1,083%/tháng; Lãi quá hạn: 1,625%/tháng.

Việc trả nợ gốc, lãi và mọi chi phí phát sinh được được vợ chồng ông Thiện bà Huế bảo đảm tối đa bằng trị giá quyền sử dụng đất của thửa đất số 150-1, tờ bản đồ số 06, Địa chỉ thửa đất: Thôn Kim Sơn, xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy, tỉnh TT Huế, diện tích 1674,7m² theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 220/12/2012/HĐTC ngày 21/12/2012 (hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký hợp pháp).

Tuy trong hợp đồng tín dụng ngày 21/12/2012 đã được bảo đảm cho số tiền vay là 03 tỷ đồng nhưng mới giải ngân 02 tỷ đồng, còn lại 01 tỷ đồng đã được bảo đảm nhưng chưa giải ngân.

Do có nhu cầu vốn lớn hơn số tiền được bảo đảm còn lại nên ngày 28/12/2012, ông Thiện (không có bà Huế) tiếp tục ký phụ lục hợp đồng bảo lãnh bằng việc tiếp tục thế chấp tài sản (đã thế chấp ngày 21/12/2012) và nâng mức bảo đảm lên 3.140.000.000.đ (cao hơn mức bảo đảm ban đầu là 140.000.000.đ) để ông Trọng vay số tiền 1.140.000.000.đ theo hợp đồng tín dụng thứ 3.

- Hợp đồng tín dụng thứ 3 ngày 28/12/2012, số tiền vay 1.140.000.000.đ và đã giải ngân cùng ngày; thời hạn trả: ngày 25/12/2013; Lãi suất 1,041%/tháng; Lãi quá hạn 1,56%/tháng.

Ngày 30/9/2013, ông Thiện (không có bà Huế) tiếp tục ký phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản (đã thế chấp ngày 21/12/2012 và ngày 28/12/2012) và tiếp tục nâng mức bảo đảm lên 3.700.000.000.đ để bảo đảm cho ông Trọng ký hợp đồng tín dụng thứ 4 để vay số tiền là 460.000.000.đ.

- Hợp đồng tín dụng thứ tư ngày 30/9/2013, số tiền vay 460.000.000.đ (đã giải ngân cùng ngày), thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất 11%/năm; Lãi quá hạn tối đa bằng 150%.

Theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng thì thời hạn trả là sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân nhưng đến nay đã gần 7 năm, mặc dù nguyên đơn đã đốc thúc người vay và người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ đã cam kết nhưng ông Trọng chỉ mới trả đúng 1.000.000.đ tiền gốc của hợp đồng tín dụng ký ngày 28/12/2012. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết theo 04 hợp đồng tín dụng đã ký, cụ thể:

Tổng số tiền gốc: 4.999.000.000.đ; Lãi trong hạn:;

Lãi quá hạn:;

Vì các khoản nợ đã quá hạn gần 7 năm mà ông Trọng không trả được nợ nên yêu cầu buộc người bảo lãnh là vợ chồng ông Thiện bà Huế phải trả các khoản nợ thay cho ông Trọng. Trường hợp người bảo lãnh không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án tuyên bố cơ quan thi hành án dân sự có quyền xử lý tài sản đã thế chấp để trả nợ như đã cam kết trong các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký.

Ý kiến của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho bị đơn (ông Trọng) vào ngày 20/01/2020 để bị đơn đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng bị đơn không có mặt;

Ngày 05/3/2020, Tòa án nhận được văn bản ủy quyền của ông Trọng ủy quyền cho ông Nguyễn Đức Phương tham gia tố tụng; Theo nội ung ủy quyền thì người được ủy quyền chưa có toàn quyền quyết định, định đoạt các vấn đề phải giải quyết trong vụ án nên Tòa án vẫn tổng đạt hợp lệ cho bị đơn “giấy triệu tập và thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/5/2020” nhưng bị đơn vẫn không có mặt.

Ngày 06/6/2020, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn và người được bị đơn ủy quyền Thông báo số 724 ngày 25/5/2020 về việc “người được ủy quyền chưa có toàn quyền quyết định, định đoạt các vấn đề phải giải quyết trong vụ án”, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn không bổ sung nội dung ủy quyền và vắng mặt không rõ lý do.

Bị đơn cũng đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hai lần, nhưng cả hai lần khai mạc phiên tòa bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Ông Phương (người đại diện theo ủy quyền của bị đơn) thừa nhận: Bị đơn còn nợ số tiền gốc theo 04 hợp đồng và đã trả cho

nguyên đơn chỉ 1.000.000.đ tiền gốc; Về tiền lãi trong hạn và quá hạn thì chưa trả nhưng chưa xác nhận số tiền lãi là bao nhiêu và cũng không nói đến phương thức trả nợ. Theo ông Phương thì nội dung này phải hỏi ý kiến của bị đơn vì ông Phương không có quyền quyết định, định đoạt, đồng thời đề nghị nguyên đơn miễn tiền lãi. Ông phương còn đề nghị Tòa án xem xét 02 phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản không có bà Huế ký tên và không có chứng thực.

Tại phiên tòa, ông Phương trình bày:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Lê Ngọc Thiện và bà Nguyễn Thị Huế):

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập lần thứ nhất cho ông Thiện bà Huế tại địa chỉ của nguyên đơn cung cấp là 156 Bùi Thị Xuân, phường Phường Đúc, thành phố Huế nhưng ông Thiện bà Huế có đơn xin vắng mặt và trong đơn ghi địa chỉ là số 23 đường Hai Bà Trưng, phường Vĩnh Ninh, TP Huế.

Vì vậy, Tòa án tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Thiện và bà bà Huế tại địa chỉ 23 Hai Bà Trưng, TP Huế nhưng tại ngôi nhà số 23 thấy cửa đã bị khóa, có màng nhện đeo bám và có dán giấy niêm bên ngoài nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại công an phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế vào ngày 05/5/2020 thì được biết: ông Thiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 21 đường Hai Bà Trưng, thành phố Huế. Nhưng qua kiểm tra thì Cảnh sát khu vực cung cấp: ông Thiện bà Huế không sinh sống tại số nhà 21 và số nhà 23 từ ngày 06 tháng 02 năm 2016 cho đến nay và cũng không biết ông Thiện bà Huế sinh sống ở đâu. Tòa án cũng xác minh tại công phường Phường Đúc thì được biết: Ông Thiện bà Huế thỉnh thoảng có về sinh sống tại số nhà 156 Bùi Thị Xuân, Phường Đúc, thành phố Huế nhưng không đăng ký với Công an phường.

Vì vậy, Tòa án vẫn tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông Thiện và bà Huế tại địa chỉ 156 Bùi Thị Xuân, phường Phường Đúc, thành phố Huế và tổng đạt cho Luật sư Nhật Bình - Là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Thiện bà Huế nhiều lần, nhưng ông thiện và bà Huế vẫn không có mặt tại Tòa án.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Huế có văn bản gửi Chánh án Tòa án các cấp và thẩm phán chủ tọa phiên tòa với nội dung: Đề nghị xem xét tính

pháp lý của 02 phụ lục hợp đồng của hợp đồng thế chấp tài sản ngày 21/12/2012 được ký kết giữa Chi nhánh NHNo & PTNT huyện Phú Lộc với Ông Lê Ngọc Thiện mà không có bà Huế ký vào phụ lục hợp đồng ngày 28/12/2012 và ngày 30/9/2013 nên không phát sinh hiệu lực, cụ thể:

Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản ngày 28/12/2012 đã nâng mức bảo đảm lên 140.000.000.đ; Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản đã nâng mức bảo đảm lên 460.000.000.đ. Tổng cộng là đã nâng mức bảo đảm lên 600.000.000.đ là ngoài ý chí của bà Huế nên không phát sinh nghĩa vụ bảo đảm.

Ý kiến của luật sư bảo vệ cho ông Thiện và bà Huế:

.....
.....
.....
.....
.....

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình chuẩn bị xét xử đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần kiến nghị khắc phục.

- Đối với các đương sự:

Đối với nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn tuy có ủy quyền cho ông Phương tham gia tố tụng, nhưng nội dung ủy quyền có giới hạn, ông Phương chưa được toàn quyền quyết định, định đoạt quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Mặc dù bị đơn và người được ủy quyền đã được Tòa án thông báo về việc phải bổ sung nội dung ủy quyền hoặc bị đơn phải có mặt để tham gia tố tụng và đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt mà không rõ lý do nên được coi là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Đối với ông Thiện và bà Huế là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên được coi là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

.....
.....
.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra thẩm vấn công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Hữu Trọng có nơi cư trú là thôn Mỹ Phú, xã Phong Chương, huyện Phong Điền; kiện với nội dung “yêu cầu ông Trọng thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký” để vay vốn kinh doanh nhà rường. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc bị đơn đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đức Phương tham gia tố tụng, nhưng theo nội dung ủy quyền thì ông Phương không có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong vụ án. Khi hỏi ông Phương về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án thì “ông Phương trình bày phải hỏi ý kiến của ông Trọng đã mới quyết định được”. Do đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ “thông báo” cho bị đơn biết để bổ sung nội dung ủy quyền hoặc bị đơn phải có mặt theo giấy triệu tập, thông báo hoặc quyết định của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn không bổ sung nội dung ủy quyền và cũng không có mặt theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án mà không rõ lý do. Như vậy, Tòa án đã đảm bảo quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thông báo thụ vụ án, giấy triệu tập, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và hai người có quyền lợi liên quan vắng mặt nhưng Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ của 04 hợp đồng tín dụng đã ký, cụ thể là phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là:

Tổng số tiền gốc của 04 hợp đồng tín dụng: 4.999.000.000.đ; Tiền lãi trong hạn của 04 hợp đồng:; Tiền lãi quá hạn của 04 hợp đồng:; Yêu cầu Tòa án tuyên bố cơ quan thi hành án có quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo 02 hợp đồng thế chấp tài sản và 02 phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Hội đồng xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn đã xác lập 04 hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay tài sản có lãi), trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa bị đơn không phản đối yêu cầu của nguyên đơn về số tiền gốc đã vay, số tiền gốc đã trả và cũng không phản đối về số tiền lãi trong hạn và số tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm của 04 hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 471; khoản 1, 5 Điều 474; khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và phù hợp với các Điều 463; khoản 1, 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người bảo lãnh là ông Lê Ngọc Thiện và bà Nguyễn Thị Huế phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp 02 đồng thể chấp tài sản, hợp đồng số 017/HĐTC ngày 17/12/2012 và hợp đồng số 220/HĐTC ngày 21/12/2012; Đồng thời thực hiện nghĩa vụ của 02 phụ lục hợp đồng của hợp đồng thể chấp tài sản số 220 ngày 21/12/2012, Hội đồng nhận thấy:

- Xét 02 hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng số 017/HĐTD ngày 17/12/2012 và hợp đồng số 220/HĐTD ngày 21/12/2012 nhận thấy:

Vợ chồng ông Thiện và bà Huế đã cùng ký hai hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của hai thửa đất (chính chủ) cho nguyên đơn để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bị đơn, gồm tiền gốc cao nhất của hai hợp đồng là 4.400.000.000.đ, tiền lãi và chi phí phát sinh. Mức bảo đảm tối đa bằng chính trị giá quyền sử dụng đất của 02 thửa đất. Hai hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký hợp pháp.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ cho ông Thiện bà Huế cũng như ông Thiện và bà Huế không có phản đối gì về hai hợp đồng này. Như vậy, bên thế chấp phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho số tiền gốc là 4.400.000.000.đ, tiền lãi và chi phí phát sinh.

Xét 02 phụ lục hợp đồng của hợp đồng thế chấp tài sản số 220/HĐTC ngày 21/12/2012 Hội đồng nhận thấy:

Sau khi ký hợp đồng thế chấp số 220/HĐTC ngày 21/12/2012 thì một mình ông Thiện (không có bà Huế) tiếp tục ký 02 phụ lục hợp đồng của hợp đồng số 220/HĐTD ngày 21/12/2012, cụ thể:

+ Ngày 28/12/2012

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người có quyền yêu cầu thi hành án dân sự, người có nghĩa vụ thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đối với ông Nguyễn Văn Dụ vắng mặt thì kể từ ngày bản án được niêm yết./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Luật sư bảo vệ của bị đơn;
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND huyện P.Điền;
- Chi cục THADS P.Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Xuân Đàm